

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 03 - 2018
Về việc: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Dũng.

Bà Đồng Thị Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Thôn AB, xã SP, huyện HT, tỉnh BT.

Bị đơn: Chị **Trương Thị K**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Ngô Thị C**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp A, xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh H có mặt; chị C có đơn xin vắng mặt; chị K vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh và chị K chung sống vợ chồng với nhau năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn này kéo dài. Anh và chị K đã sống ly thân cũng từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Diệu H- sinh ngày 19/12/1997 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc L - sinh ngày 30/08/2000. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc L vì hiện nay cháu L đang sống với anh và cũng theo nguyện vọng của con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: vợ chồng anh chị có nợ chị Ngô Thị C số tiền vốn gốc là 50.000.000đồng, khi ly hôn anh yêu cầu giải quyết mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã trả nợ xong cho chị C cả vốn và lãi là 57.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 anh H không yêu cầu chị K hoàn trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung. Nay anh H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này.

* Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn là chị Trương Thị K trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn này kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thị Diệu H- sinh ngày 19/12/1997 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc L - sinh ngày 30/08/2000. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết con chung. Nếu ly hôn chị đồng ý giao con chung là Nguyễn Ngọc L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Chị thừa nhận chị và anh H có vay của chị Ngô Thị C số tiền 50.000.000đồng và anh H đã trả xong vốn gốc và lãi cho chị C là 57.000.000 đồng.

Nay anh H yêu cầu chị hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền là 28.500.000 đồng cho anh H, chị không đồng ý vì chị không có nhận số tiền này.

* Tại bản tự khai ngày 23/01/2018 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị C trình bày: Vào ngày 15/08/2017 chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh H và chị Trương Thị K vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất vay thỏa thuận. Nay vợ chồng anh H chị K đã trả xong vốn gốc và lãi là 57.000.000 đồng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Anh H chị K có tổ chức đám cưới vào năm 1996 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn, cho nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Chị K không đồng ý ly hôn vì cho rằng chị và anh H có đăng ký kết hôn vào năm 2004 là không có căn cứ vì theo Công văn số: 01/CV-UBND ngày 16/01/2018 Ủy ban nhân dân xã CS xác nhận không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của anh H chị K và cũng không có gì chứng minh giữa chị và anh H có đăng ký kết hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh H và chị K là vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: anh chị thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Diệu H- sinh năm 1997 hiện nay đã trưởng thành và Nguyễn Ngọc L - sinh ngày 30/08/2000. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu L muốn được sống với cha. Chị K cũng đồng ý giao cháu L cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu L. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: anh H chị K nợ chị Ngô Thị C số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng. Anh H đã trả hết số nợ này cho chị C và không yêu cầu chị K hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền mà anh đã trả cho chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Trương Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt

để tham dự phiên tòa. Chị Ngô Thị C vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng chị K, chị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị K chung sống với nhau vào năm 1996, đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị K. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 chị K trình bày, chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống anh chị đã sống ly thân từ năm 2015, nay anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn. Nhận thấy theo văn bản số 01/CV-UBND ngày 16/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã CS, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận qua trích lục hồ sơ kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã không có tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn giữa anh H và chị K. Do đó có đủ cơ sở xác định anh H và chị K không có đăng ký kết hôn. Về tình cảm vợ chồng, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, và anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H. Tuy nhiên do anh H chị K không có đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không công nhận anh H và chị K là vợ chồng mới phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Diệu H- sinh ngày 19/12/1997 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc L - sinh ngày 30/08/2000. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc L và cũng theo nguyện vọng của cháu L muốn được sống với cha. Chị K cũng đồng ý giao con chung là Nguyễn Ngọc L cho anh H nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị về việc giao cháu Nguyễn Ngọc L cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 anh H, chị K, chị C đều xác nhận, anh H chị K có nợ chị Ngô Thị C số tiền 50.000.000 đồng, anh H đã trả xong vốn gốc và lãi cho chị C là 57.000.000 đồng. Số tiền nợ chung này chị C xác nhận đã nhận đủ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh H không yêu cầu chị K hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ nợ chung cho anh và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này. Xét thấy, các bên

không yêu cầu giải quyết đối với phần nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Trương Thị K.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 19/12/1997 (hiện đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 30/08/2000. Giao con chung là Nguyễn Ngọc L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

- Chị K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 15172 ngày 12/1/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy anh đã nộp xong.

Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.
Đối với chị K, chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Phan Minh Trâm